TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 05/3/2019
V/v: "Chia tài sản chung sau khi ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long;

Ông Nguyễn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2018/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về: "*Chia tài sản chung sau khi ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị K; Địa chỉ: thôn 5, thị trấn P, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Hữu N (đã chết); Địa chỉ: thôn B1, xã B2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N và có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Xa Thị K1; Địa chỉ: thôn 6, thị trấn P, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 16/9/2009. *Người đại diện hợp pháp của cháu T:* Bà Xa Thị K1 là mẹ đẻ của cháu T. Vắng mặt.

+ Anh Bùi Hữu H; Địa chỉ: thôn 5, thị trấn P, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Bùi Hữu B; Địa chỉ: 150 đường C1, quận N3, thành phố Đà Nẵng. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ UBND huyện N1, tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: đường L, tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn C – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N1, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức X – Chức vụ Trưởng phòng tài nguyên và Môi trường. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện N1, tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: số nhà 04, đường Tr, tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Văn H1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện N1, tỉnh Kon Tum. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Đinh Công G (đã chết); Trú tại: thôn B1, xã B2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Công G:

Chị Đinh Thị M (tên gọi khác: Đinh Thị M1);

Anh Đinh Công Kh1;

Anh Đinh Công M2;

Chị Đinh Thị M3;

Bà Đinh Thị D;

Cùng trú tại: thôn B1, xã B2, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Dương Thị K trình bày như sau:

Về nguồn gốc lô đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) số vào sổ 01248 ngày 24/3/2009 do UBND huyện N1, tỉnh Kon Tum cấp cho ông Bùi Hữu N: Vào ngày 28/4/2008, bà và ông N mua chung lô đất này của ông Đinh Công G và bà Đinh Thị D. Hai bên có ký hợp đồng chuyển nhượng với bà D vì ông G đã chết. Bà và ông N cùng ký vào hợp đồng chuyển nhượng và lên xã chứng thực. Giá đất 21.000.000 đồng nhưng phần của bà góp bao nhiêu tiền thì không nhớ. Sổ đỏ chỉ đứng tên một mình ông N vì năm 2008, hộ khẩu của bà vẫn ở Thái Nguyên, chưa chuyển hộ khẩu vào Kon Tum nhưng bà có đăng ký tạm vắng, tạm trú ở xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Kon Tum. Bà đi đi, về về, làm ăn sinh sống ở hai nơi. Đến năm 2014, bà mới chuyển hộ khẩu vào Kon Tum. Ngôi nhà trên đất do bà và ông N cùng xây dựng tháng 4/2009 đến tháng 11/2009. Tổng chi phí xây nhà khoảng 52.000.000 đồng, phần của bà là 32.000.000 đồng. Phần của Bùi Hữu H và Bùi Hữu B đưa cho ông N bao nhiêu thì bà không biết.

Bà yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn với ông Bùi Hữu N: Tài sản bà yêu cầu chia là thửa đất số 15a, tờ bản đồ số 05 tại thôn B1, xã B2, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Đồng thời, bà yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) số vào sổ 01248 ngày 24/3/2009 do UBND huyện N1, tỉnh Kon Tum cấp cho ông Bùi Hữu N cho bà, Bùi Hữu H và Bùi Hữu B. Còn về khoản nợ vay của Ngân hàng thế chấp đất này để vay thì bà K1 phải chịu trách nhiệm trả.

Tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/01/2018 và tại Đơn bổ sung Đơn khởi kiện ngày 28/01/2018, bà K bổ sung thêm: Yêu cầu Tòa án chia nhà trên đất và mái hiên đằng trước, không yêu cầu chia mái hiên bên hông nhà

Ý kiến bà Xa Thị K1 - vợ ông N, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Hữu N, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp cho cháu Bùi Thanh T:

Về nguồn gốc của lô đất này là do bà và ông N mua chung năm 2008 của bà Đinh Thị D. Tuy hai người mua chung nhưng chỉ có một mình ông N đứng tên trên sổ đỏ và thủ tục giấy tờ chuyển nhượng, bà không đứng tên vì lúc đó bà chưa làm chứng minh nhân dân xong. (Bà mới làm lại Chứng minh xong tháng 5 năm 2017). Nhà, đất này là tài sản chung của bà và ông N nên không đồng ý chia cho bà K và Bùi Hữu H,

Bùi Hữu B.

Tổng giá tiền mua lô đất là 25.000.000 đồng là của chung bà và ông N, không thể phân chia được mỗi người bao nhiêu tiền.

Bà không đồng ý yêu cầu của bà K về việc hủy GCNQSD đất số vào sổ 01248 ngày 24/3/2009 do UBND huyện N1, tỉnh Kon Tum cấp cho ông Bùi Hữu N đối với thửa đất số 15a, tờ bản đồ số 05 tại thôn B1, xã B2, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Bà đề nghị Tòa án giữ nguyên GCNQSD đất này.

Bản gốc GCNQSD đất này hiện nay bà đang thế chấp cho Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum - Phòng giao dịch Huyện N1 để vay số tiền 100.000.000 đồng, hiện nay còn nợ gốc 80.000.000 đồng và lãi 2.047.778 đồng. Đến ngày 20/10/2019 là hết hạn vay.

Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà K, không chia đất và giữ nguyên sổ đỏ thì bà nhận trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 5103LAV201603826 ngày 20/10/2016. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, chia đất cho bà K và Bùi Hữu H, Bùi Hữu B thì ai được chia đất thì phải chịu trả nợ gốc và lãi theo tỷ lệ phần đất được nhận.

Căn nhà trên đất là của bà và ông N cùng xây dựng tháng 4/2008. Tổng số tiền xây nhà hết 200.000.000 đồng, đây tiền chung của bà và ông N, không tính cụ thể được phần của từng người là bao nhiêu. Nhà, đất này bây giờ là của bà, không đồng ý chia cho bà K, Bùi Hữu H và Bùi Hữu B.

***Anh Bùi Hữu H và anh Bùi Hữu B - người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Hữu N, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày*:** Năm 2009, bố anh - ông Bùi Hữu N và mẹ là Dương Thị K có chung nhau mua mảnh đất tại thôn B1, xã B2, huyện N1, tỉnh Kon Tum của ông Đinh Công G và bà Đinh Thị D đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng nhà để ở. Thửa đất nhận chuyển nhượng số 15 a, tờ bản đồ số 5, diện tích 210 m^2 đứng tên ông Bùi Hữu N được cấp ngày 24/3/2009. Nay, bố anh đã mất, đề nghị Toà án hủy GCNQSD đất của bố anh và chia cho ba mẹ con anh là Dương Thị K, Bùi Hữu H và Bùi Hữu B.

Đại diện Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện N1, tỉnh Kon Tum; trình bày: Về việc thế chấp GCNQSD đất vay tiền của ngân hàng như bà K1 trình bày là đúng. Dư nợ thực tế hiện nay của ông N và bà K1 là 80.000.000 đồng. Trường hợp lô đất không phải chia cho bà K và các con thì Ngân hàng vẫn tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp đã ký kết với ông Bùi Hữu N. Nếu lô đất này Tòa án chia cho bà K và các con thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên những người được chia đất

phải chịu nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo tỷ lệ đất được nhận.

Đại diện UBND huyện N1, tỉnh Kon Tum trình bày: Trên cơ sở hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Bùi Hữu N năm 2009, hồ sơ chuyển nhượng QSD đất giữa bà Đinh Thị D (chồng là ông Đinh Công G) với ông Bùi Hữu N được UBND xã B2 chứng thực ngày 05/02/2009 chỉ đứng tên cá nhân ông Bùi Hữu N. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất, kê khai nộp thuế cũng chỉ có một mình ông N đứng tên. Vì vậy, UBND huyện N1 đã cấp GCNQSD đất số 01248 ngày 24/3/2009 cho ông Bùi Hữu N là phù hợp với nội dung hồ sơ đăng ký cấp giấy, đúng quy định của pháp luật.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Công G và có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Đinh Thị D trình bày: Năm 2009, gia đình bà có bán đất tại thôn B1, xã B2, Huyện N1 cho ông Bùi Hữu N và bà Xa Thị K1. Lô đất số 15, tờ bản đồ số 05, diện tích 210 m^2, dài khoảng 42 m, rộng 5m. Giá tiền hai bên thỏa thuận 21.000.000 đồng. Ông N, bà K1 đã trả đủ tiền cho bà. Khi thỏa thuận miệng thì bà có thỏa thuận và giao dịch tiền bạc với ông N và bà K1 nhưng khi lập hợp đồng văn bản đi chứng thực thì chỉ có ông N ký giấy tờ. Bà K1 không ký trên giấy tờ mua bán và thủ tục làm sổ đỏ vì lúc đó, bà K1 chưa có chứng minh nhân dân. Bà chưa bao giờ gặp bà Dương Thị K, anh Bùi Hữu H, anh Bùi Hữu B và cũng không biết họ là ai. Khi bán đất cho ông N, bà K1, đất của vợ chồng bà đã có GCNQSD đất được cấp năm 2000. Năm 2004, chồng bà - ông Đinh Công G đã chết. Khi bà bán đất cho ông N, bà K1 thì trên đất chưa có nhà. Bà biết nhà là do ông N, bà K1 xây dựng năm 2009. Bà không hề biết bà K là ai. Thỉnh thoảng bà mới thấy Bùi Hữu B ghé qua đó một tí rồi đi. Bà không thấy bà K và Bùi Hữu H đến lúc nào cả. Nay, bà K kiện đòi chia đất của ông N, bà thấy không có cơ sở. Các người con của ông G gồm: Chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị M3, anh Đinh Công Kh1, anh Đinh Công M2 đều trình bày thống nhất như bà Đinh Thị D.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Khoản 2 Điều 71, Khoản 3 Điều 200, Khoản 2 Điều 210 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 3 Điều 688, Điều 698 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 và các Điều 49, 53, 123 và 127 Luật Đất đai 2003;

Không chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Dương Thị K về chia tài sản chung sau ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01248, số bìa

AN370713 ngày 24/3/2009 do UBND huyện N1, tỉnh Kon Tum cấp cho ông Bùi Hữu N đối với thửa đất số 15a, tờ bản đồ số 05 tại thôn B1, xã B2, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Thửa đất có diện tích và tứ cận như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất ông N, bà K1 mua năm 2015: 5m

- Phía Tây Nam giáp đường liên thôn: 5m

- Phía Tây Bắc giáp đất ông Xa Văn B3: 42m.

- Phía Đông Nam giáp phần đất ông N, bà K1 mua thêm năm 2008 và đất ông Đinh Văn L1: 42m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/8/2018, bà Dương Thị K kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn bà Dương Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của bà Dương Thị K trình bày cho rằng: Vào ngày 28/4/2008, bà và ông N mua chung lô đất của ông Đinh Công G và bà Đinh Thị D. Hai bên có ký hợp đồng chuyển nhượng với bà D vì ông G đã chết, với số tiền là 21.000.000 đồng. Bà và ông N cùng ký vào hợp đồng chuyển nhượng và có UBND xã chứng thực. Tuy nhiên, Giấy CNQSDĐ chỉ đứng tên một mình ông N vì năm 2008 hộ khẩu bà vẫn ở Thái Nguyên, chưa chuyển hộ khẩu vào Kon Tum nhưng bà có đăng ký tạm vắng, tạm trú ở xã Đ1, Huyện Đ2, Kon Tum. Bà đi đi, về về, làm ăn sinh sống ở hai nơi. Đến năm 2014, bà mới chuyển hộ khẩu vào Kon Tum. Ngôi nhà trên đất do bà và ông N cùng xây dựng tháng 4/2009 đến tháng 11/2009. Tổng chi phí xây nhà khoảng 52.000.000 đồng, phần của bà là 32.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia nhà và đất cho bà và các con của bà.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các qui định về pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Với những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Toà án cấp sơ thẩm đã xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thi K là có căn cứ. Bà K kháng cáo

nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà K, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị K đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận theo Đơn khởi kiện của bà chia thửa đất đang tranh chấp cho bà và 02 con của bà; đồng thời, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01248 ngày 24/3/2009 do UBND huyện N1, tỉnh Kon Tum cấp cho ông Bùi Hữu N. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, mặc dù Hội đồng xét xử đã triệu tập hợp lệ lần thứ ba đối với tất cả các đương sự trong vụ án nhưng chỉ có mặt bà K có mặt tại phiên toà, còn lại bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tất cả đều vắng mặt. Riêng UBND huyện N1, Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện N1, tỉnh Kon Tum và anh Bùi Hữu H, Bùi Hữu B có Đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc triệu tập những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật; việc xét xử vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Toà án và cũng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo qui định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét thấy, giữa bà Dương Thi K và ông Bùi Hữu N không có quan hệ hôn nhân hợp pháp; về quan hệ hôn nhân thực tế cũng đã được chấm dứt bằng Bản án số 98/LHST ngày 27/8/2003 của Toà án nhân dân huyện T1, thành phố Hải Phòng; về tài sản chung hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với Lô đất số 15a, tờ bản đồ số 5 tại thôn B1, xã B2, huyện N1, tỉnh Kon Tum đang tranh chấp là do ông Bùi Hữu N và bà Xa Thị K1 cùng góp tiền mua chung năm 2008 của bà Đinh Thị D, với số tiền là 21.000.000 đồng nên không phải là tài sản chung của bà K và ông N trong thời kỳ chung sống với nhau. Tuy nhiên, bà K và anh H, anh B lại cho rằng lô đất đang tranh chấp là do bà K và ông N cùng góp tiền mua của bà D vào năm 2009 là mâu thuẫn hoàn toàn với lời khai của bà D và những người con của bà D, ông G và của bà K1. Bà D xác định nguồn gốc lô đất là do bà D thoả thuận chuyển nhượng cho ông N và bà K1 nhưng khi ký hợp đồng chỉ một mình ông

N đứng tên, không biết bà K là ai. Lời khai này phù hợp với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/02/2009 lưu tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N1. Với những chứng cứ như đã nêu, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị K là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà Dương Thị K kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới để bảo vệ yêu cầu kháng cáo của mình; quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật; ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp; do đó, cần bác yêu cầu kháng cáo của bà K, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Dương Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 3 Điều 688, Điều 698 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015 và các Điều 49, 53, 123 và 127 của Luật Đất đai 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị K, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

2. Bác yêu cầu Đơn khởi kiện của nguyên đơn - bà Dương Thị K về chia tài sản chung sau ly hôn và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ 01248, số bìa AN370713 ngày 24/3/2009 do Uỷ ban nhân dân huyện N1, tỉnh Kon Tum cấp cho ông Bùi Hữu N đối với thửa đất số 15a, tờ bản đồ số 05 tại thôn B1, xã B2, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Thửa đất có diện tích và tứ cận như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất ông N, bà K1 mua năm 2015: 5m

- Phía Tây Nam giáp đường liên thôn: 5m

- Phía Tây Bắc giáp đất ông Xa Văn B3: 42m.

- Phía Đông Nam giáp phần đất ông N, bà K1 mua thêm năm 2008 và đất ông Đinh Văn L1: 42m.

4. Về án phí: Bà Dương Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000502 ngày 07/9/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

5. Các quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án được thực hiện theo quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Cục THA dân sự tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông